

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

**LUẬT
BÓNG BÀN**

Nhà xuất bản thể dục thể thao

Hà Nội – 2002

Số: 363/QĐ-UBTDTT-TTII

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Luật Bóng bàn****BỘ TRƯỞNG – CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 03/1998/NĐ-CP ngày 6/1/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Thể dục Thể thao;
- Xét yêu cầu về phát triển và nâng cao thành tích môn Bóng bàn ở nước ta;
- Căn cứ đề nghị của ông Chủ tịch Liên đoàn Bóng bàn Việt Nam;
- Căn cứ vào đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Thể thao thành tích cao II.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Luật Bóng bàn gồm: 2 chương (dịch nguyên bản Luật Bóng bàn thế giới năm 2001-2002)

Điều 2: Luật Bóng bàn được áp dụng trong các cuộc thi đấu từ cơ sở đến toàn quốc và thi đấu Quốc tế tại nước ta.

Điều 3: Các cuộc thi đấu trong toàn quốc có thể đề ra Điều lệ thích hợp với thực tế nhưng không được trái với các Điều ghi trong Luật này.

Điều 4: Luật này thay thế cho các Luật Bóng bàn đã in trước đây và có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 5: Các ông chủ tịch Liên đoàn Bóng bàn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Thể Thao Thành tích cao II, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Đào tạo, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch – Tài chính và Giám đốc các Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hóa – Thông tin – Thể thao, cơ quan Thể dục Thể thao các ngành và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**BỘ TRƯỞNG – CHỦ NHIỆM
ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

Nguyễn Danh Thái (đã ký)

2 LUẬT BÓNG BÀN

2.1 BÀN

2.1.1 Phần mặt trên của bàn gọi là mặt đánh bóng (mặt bàn) hình chữ nhật dài 2m74, rộng 1m525, nằm trong một mặt phẳng nằm ngang cao 76cm tính từ mặt đất.

2.1.2 Mặt bàn không bao gồm các cạnh bên của mặt bàn

2.1.3 Mặt bàn có thể làm bằng bất cứ chất liệu nào và phải có một độ nảy đồng đều khoảng 23cm khi để quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30cm xuống mặt bàn đó.

2.1.4 Mặt bàn phải có màu sẫm đồng đều và mờ, xung quanh mặt bàn có một đường vạch kẻ trắng rộng 2cm, mỗi vạch theo chiều dài 2m74 của bàn gọi là đường biên dọc, mỗi vạch theo chiều rộng 1m52 của bàn gọi là đường biên ngang (đường cuối bàn).

2.1.5 Mặt bàn được chia thành 2 phần bằng nhau bởi một cái lưới thẳng đứng song song với đường cuối bàn và căng suốt trên toàn bộ diện chia đôi hai bên phần bàn.

2.1.6 Để đánh đôi, mỗi phần mặt bàn lại chia thành 2 phần nhỏ bằng nhau bởi một đường vạch giữa màu trắng rộng 3mm song song với các đường biên dọc. Đường vạch giữa được coi như thuộc về phần bên phải của mỗi nửa bàn.

2.2 BỘ PHẬN LƯỚI

2.2.1 Bộ phận lưới gồm có chính cái lưới, dây căng và các cọc lưới, bao gồm cả các cái kẹp để cặp cọc lưới vào bàn.

2.2.2 Lưới được căng bằng một sợi dây nhỏ, buộc mỗi đầu vào cọc lưới có chiều cao 15,25cm. Khoảng cách giới hạn ngoài đường biên dọc với cột cọc lưới là 15,25cm.

2.2.3 Mép trên của lưới suốt chiều dài phải cao đều 15,25cm so với mặt bàn.

2.2.4 Mép dưới suốt chiều dài của lưới cần phải sát với mặt bàn và những cạnh bên của lưới cũng cần phải sát với cọc lưới.

2.3 BÓNG

2.3.1 Quả bóng hình cầu có đường kính 40mm.

2.3.2 Quả bóng nặng 2,7g.

2.3.3 Quả bóng được làm bằng xen-lu-lô-ít hoặc chất nhựa dẻo tương tự, có màu trắng hay màu da cam và mờ.

2.4 VỢT

2.4.1 Vợt có thể có kích thước, hình dáng và trọng lượng bất kỳ nhưng cốt vợt phải phẳng và cứng.

2.4.2 Ít nhất 85% bề dày cốt vợt phải bằng gỗ tự nhiên; một lớp dính bên trong cốt vợt có thể được tăng cường bằng loại chất sợi như sợi các bon, sợi thủy tinh hay giấy nén nhưng không được vượt quá 7,5% toàn bộ bề dày hoặc 0,35mm.

2.4.3 Mặt của cốt vợt dùng để đánh bóng phải được phủ hoặc bằng mặt gai cao su thường, gai hướng ra ngoài, tất cả độ dày kể cả chất dính không vượt quá 2mm, hoặc bằng cao su mút với gai úp hay gai ngửa, tất cả có độ dày kể cả chất dính không vượt quá 4mm.

2.4.3.1 Cao su thường có gai là một lớp duy nhất bằng cao su, không lỗ tổ ong, tự nhiên hoặc tổng hợp, các gai rải đều trên mặt vợt với mật độ không ít hơn 10 và không quá 50 gai/cm²;

2.4.3.2 Cao su mút là một lớp dày duy nhất cao su tổ ong, phủ một lớp ở phía ngoài bằng cao su thường có gai, bề dày của lớp cao su có gai không vượt quá 2mm.

2.4.4 Chất liệu phủ phải kéo ra tới các mép nhưng không được vượt quá các giới hạn của cốt vợt, trừ phần gần cán nhất và chỗ đặt các ngón tay có thể để không hoặc phủ bằng một chất liệu nào đó.

2.4.5 Cốt vợt cũng như bất kỳ lớp nào bên trong cốt vợt và lớp phủ bên ngoài hoặc dán trên mặt dùng để đánh bóng phải liên tục và có độ dày đồng đều.

2.4.6 Mặt phủ cốt vợt hoặc mặt cốt vợt không phủ phải mờ, một mặt là màu đỏ tươi và mặt kia là màu đen.

2.4.7 Những sai lệch nhỏ về sự liên tục của mặt vợt hoặc sự đồng đều về màu sắc do sự cố bất thường hay do hao mòn thì có thể chiếu cố miễn là những điều đó không làm thay đổi đáng kể đến đặc điểm của mặt vợt.

2.4.8 Trước lúc bắt đầu trận đấu hay khi thay vợt trong trận đấu, đấu thủ sẽ đưa vợt mà mình sử dụng cho đối phương và trọng tài xem và kiểm tra.

2.5 CÁC ĐỊNH NGHĨA

2.5.1 Một loạt đường bóng đánh qua lại là giai đoạn lúc bóng đang còn ở trong cuộc.

2.5.2 Bóng ở trong cuộc được tính từ thời điểm cuối cùng khi bóng nằm yên trong lòng bàn tay tự do (tay không cầm vợt) trước khi được tung có chú ý lên lúc giao bóng cho đến khi loạt đường bóng đánh qua lại được quyết định là đánh lại hay tính 1 điểm.

2.5.3 Lần đánh bóng lại là một loạt đường bóng đánh qua lại mà kết quả của nó không được tính điểm.

2.5.4 Một điểm là một loạt đường bóng đánh qua lại kết quả của nó được tính điểm.

2.5.5 Tay cầm vợt là tay đang cầm chiếc vợt.

2.5.6 Tay tự do là tay đang không cầm vợt.

2.5.7 Một đầu thủ đánh quả bóng nếu như trong cuộc người đó chạm vào bóng bằng vợt của mình cầm trong tay hay dưới cổ tay cầm vợt.

2.5.8 Một đầu thủ cản quả bóng nếu bản thân người đó hay bất cứ vật gì mang trên người mà chạm vào quả bóng trong lúc bóng còn đang ở trong cuộc khi nó đang đi về phía mặt bàn và chưa vượt qua đường biên cuối, chưa chạm vào mặt bàn bên mình từ lúc đối phương đánh sang.

2.5.9 Người giao bóng là người đánh quả bóng đầu tiên trong mỗi loạt đường bóng qua lại.

2.5.10 Người đỡ giao bóng là người đánh quả bóng thứ hai của mỗi loạt đường bóng qua lại.

2.5.11 Trọng tài là người được chỉ định để điều khiển một trận đấu.

2.5.12 Người phụ tá trọng tài là người được chỉ định giúp trọng tài trong một số phán quyết nhất định.

2.5.13 Nói bất cứ vật gì đầu thủ mặc hoặc mang là bất cứ vật gì đầu thủ đang mặc hoặc đang mang khác ngoài quả bóng, ở lúc bắt đầu của lần đánh bóng.

2.5.14 Quả bóng được coi như vượt qua hoặc vòng qua bộ phận của lưới nếu nó đi qua bất cứ chỗ nào ngoại trừ phần giữa lưới và cọc lưới hoặc giữa lưới và mặt trên của bàn.

2.5.15 Đường cuối bàn sẽ được coi như kéo dài vô hạn ở cả hai phía.

2.6 QUẢ GIAO BÓNG TỐT

2.6.1 Lúc bắt đầu giao bóng quả bóng được đặt nằm im trên lòng bàn tay tự do mở phẳng, ở đằng sau đường cuối bàn và ở bên trên của mặt bàn.

2.6.2 Người giao bóng tung lên theo phương thẳng đứng, không được tạo ra bóng xoáy, để cho quả bóng lên cao ít nhất 16cm sau khi bóng rời khỏi lòng bàn tay không cầm vợt và sau đó rơi xuống không chạm bất cứ vật gì trước khi được đánh đi.

2.6.3 Khi quả bóng rơi xuống người giao bóng sẽ đánh quả bóng đó sao cho bóng chạm bên mặt bàn mình trước và sau đó mới nảy qua lưới hoặc vòng qua các bộ phận của lưới, chạm trực tiếp vào bên mặt bàn của người đỡ giao bóng. Trong đánh đôi bóng phải của người giao bóng và người đỡ giao bóng.

2.6.4 Cả bóng và vợt đều phải ở phía trên mặt bàn kể từ điểm cuối cùng mà lúc đó quả bóng đặt im trước khi được tung lên và đánh đi.

2.6.5 Khi quả bóng được đánh đi, bóng phải ở phía sau đường biên cuối bàn nhưng không được xa hơn phía sau phần cơ thể của người giao bóng, trừ tay, đầu hoặc chân là bộ phận cách xa nhất với đường biên cuối bàn.

2.6.6 Trách nhiệm của người giao bóng là làm sao cho trọng tài hoặc phụ tá trọng tài thấy được là mình đã tuân thủ những yêu cầu đối với quả giao bóng tốt.

2.6.6.1 Nếu trọng tài thấy nghi ngờ về quả giao bóng của đấu thủ là không đúng luật, nhưng trọng tài và phụ tá trọng tài không chắc chắn là quả giao bóng đó trái luật, đối với lần đầu tiên của một trận đấu thì nhắc nhở mà không tính điểm;

2.6.6.2 Nếu tiếp tục trong trận đấu quả giao bóng của đấu thủ đó bị nghi ngờ về sự hợp lệ vì cùng một lý do hay bất kỳ lý do nào khác đấu thủ này sẽ không được tha không bắt lỗi vì nghi vấn và người đỡ giao bóng sẽ được 1 điểm;

2.6.6.3 Bất cứ khi nào có sự không tuân thủ rõ rệt các yêu cầu của quả giao bóng tốt thì không có sự nhắc nhở và người đỡ giao bóng sẽ được 1 điểm trong lần đầu tiên cũng như ở bất kỳ lần nào khác.

2.6.7 Trường hợp khác thường, trọng tài có thể nói lỏng những yêu cầu đối với một quả giao bóng tốt khi trước trận đấu được thông báo là sự tuân thủ giao bóng bị hạn chế do khuyết tật của đấu thủ.

2.7 QUẢ BÓNG TRẢ LẠI TỐT

Quả bóng được giao hay đỡ trả lại, đều phải đánh sao cho bóng vượt qua hoặc vòng qua bộ phận lưới và chạm trực tiếp phần bàn đối phương hay sau khi chạm vào bộ phận của lưới.

2.8 TRÌNH TỰ THI ĐẤU

2.8.1 Trong đánh đơn, người giao bóng đầu tiên thực hiện quả giao bóng tốt, sau đó người đỡ giao bóng sẽ trả lại bóng tốt và từ đó người giao bóng và người đỡ giao bóng luân phiên trả lại bóng tốt.

2.8.2 Trong đánh đôi, người giao bóng đầu tiên thực hiện quả giao bóng tốt, sau đó người đỡ giao bóng trả lại bóng tốt, rồi tới đồng đội của người giao bóng trả lại bóng tốt, kế tiếp đồng đội của người đỡ giao bóng trả lại bóng tốt và từ đó mỗi đấu thủ luân phiên nhau theo thứ tự trên mà trả lại bóng tốt.

2.9 BÓNG ĐÁNH LẠI

2.9.1 Loạt đường bóng đánh sẽ đánh lại.

2.9.1.1 Nếu khi giao bóng lúc vượt qua bộ phận lưới mà bóng chạm vào bộ phận lưới với điều kiện là quả giao bóng tốt hoặc bóng bị chạm chắn bởi người đỡ giao bóng hay đồng đội của người này;

2.9.1.2 Nếu bóng đã được giao đi khi người đỡ giao bóng hoặc cặp người đỡ chưa sẵn sàng với điều kiện là cả người đỡ hoặc đồng đội của người này chưa có ý định đỡ bóng;

2.9.1.3 Nếu quả bóng không được giao bóng tốt hay trả lại tốt hoặc mặt khác không tuân thủ những quy định do điều gây phiền nhiễu ngoài phạm vi kiểm soát của đối thủ;

2.9.1.4 Nếu trận đấu được tạm ngừng bởi trọng tài hay trợ lý trọng tài.

2.9.2 Trận đấu có thể bị tạm ngừng

2.9.2.1 Để sửa một điều sai về thứ tự giao bóng, đỡ giao bóng hoặc phía bàn đứng;

2.9.2.2 Để bắt đầu áp dụng phương pháp đánh khăn trương;

2.9.2.3 Để cảnh cáo hoặc phạt một đấu thủ;

2.9.2.4 Do những điều kiện thi đấu bị xáo lộn trong một chừng mực nào đây có thể ảnh hưởng tới kết quả của lần đánh bóng.

2.10 MỘT ĐIỂM

2.10.1 Trừ khi là quả bóng lại một đấu thủ sẽ được tính 1 điểm.

2.10.1.2 Nếu đối phương không giao bóng tốt;

2.10.1.3 Nếu sau khi vận động viên đã thực hiện một quả giao bóng tốt hay trả lại bóng tốt quả bóng chạm vào bất kỳ vật gì ngoại trừ bộ phận lưới trước khi được đối phương đánh đi;

2.10.1.4 Nếu sau khi đối thủ đánh bóng bay qua phần bàn mình hay vượt quá đường cuối bàn mà bóng không chạm vào phần bàn của mình;

2.10.1.5 Nếu đối thủ cản bóng;

2.10.1.6 Nếu đối thủ đánh bóng liên tiếp 2 lần;

2.10.1.7 Nếu đối thủ đánh bóng bằng một mặt vợt mà mặt này không tuân theo đúng với những yêu cầu của điều 2.3.4, 2.4.4 và 2.4.5;

2.10.1.8 Nếu đối thủ của anh ta (chị ta) hoặc bất cứ vật gì mà người đó mặc hay mang trên người làm xê dịch mặt bàn đấu;

2.10.1.9 Nếu đối thủ của anh ta (chị ta) hoặc bất cứ vật gì người đó mặc hay mang trên người chạm vào bộ phận lưới;

2.10.1.10 Nếu bàn tay không cầm vợt của đối thủ chạm vào mặt bàn đấu;

2.10.1.11 Nếu đôi đối phương đánh bóng sai trình tự đã được xác định bởi người giao bóng đầu tiên và người đỡ giao bóng đầu tiên;

2.10.1.12 Như điều kiện đã quy định ở phương pháp đánh khăn trương (2.15.2)

2.11 MỘT VÁN

2.11.1 Một đấu thủ hay cặp đôi được tính là thắng một ván khi họ được 11 điểm trước trừ khi 2 đấu thủ hay 2 cặp đôi đều đạt mỗi bên 10 điểm thì sau đó bên nào thắng liền 2 điểm trước nữa là thắng ván đó.

2.12.1 Một trận sẽ gồm các ván thắng của một số lẻ nào đó^(*)

2.13 CHỌN GIAO BÓNG, ĐỠ GIAO BÓNG VÀ BÊN BÀN ĐỨNG

2.13.1 Quyền chọn giao bóng, đỡ giao bóng và bên bàn đứng trước sẽ được xác định bằng cách rút thăm. Người trúng thăm có thể chọn giao bóng hay đỡ giao bóng trước hoặc chọn bên bàn đứng lúc bắt đầu trận đấu.

^(*) 1 trận có thể gồm 5, 7 hay 9 ván (ND)

2.13.2 Khi một đấu thủ hay một đôi đã chọn giao bóng hoặc đỡ giao bóng trước hoặc chọn bên bàn đứng lúc bắt đầu của trận đấu thì đối phương sẽ được quyền chọn cái khác.

2.13.3 Cứ sau 2 điểm đã được ghi thì đấu thủ hay cặp đôi đỡ giao bóng sẽ trở thành đấu thủ hay cặp đôi giao bóng và cứ như thế tiếp tục cho đến hết ván, trừ khi cả hai đấu thủ hay hai đôi đều đạt được 10 điểm hoặc áp dụng phương pháp đánh khăn trương thì thứ tự giao bóng và đỡ giao bóng vẫn như vậy song mỗi đấu thủ chỉ giao bóng lần lượt cho ảnh hưởng điểm.

2.13.4 Trong mỗi ván của trận đánh đôi, đôi có quyền giao bóng trước sẽ chọn người nào của đôi mình giao bóng trước ở ván đầu tiên của trận đôi bên đỡ giao bóng sẽ quyết định ai là người sẽ đỡ giao bóng trước. Trong các ván tiếp theo của trận đấu, đấu thủ giao bóng trước tiên được lựa chọn người đỡ giao bóng trước tiên sẽ là người đã giao bóng cho đấu thủ này ở ván trước đó.

2.13.5 Trong đánh đôi, ở mỗi lần đôi giao bóng đấu thủ đỡ giao bóng trước đó sẽ trở thành người giao bóng và đồng đội của người giao bóng trước đó sẽ là người đỡ giao bóng.

2.13.6 Đấu thủ hoặc cặp đôi giao bóng đầu tiên trong một trận đấu sẽ đỡ giao bóng đầu tiên ở ván sau và ở ván cuối cùng của trận đánh đôi có khả năng xảy ra thì cặp đôi của bên đến lượt đỡ giao bóng lần tới sẽ đổi thứ tự đỡ giao bóng khi một đôi nào đó đã đạt được 5 điểm.

2.13.7 Đấu thủ hay cặp đôi bắt đầu đứng ở phía bàn bên này của một ván thì ở ván sau sẽ bắt đầu đứng ở phía bàn bên kia và ở ván cuối cùng của trận đấu (có khả năng xảy ra) thì đấu thủ hay cặp đôi sẽ thay đổi bên bàn đứng khi một đấu thủ hay cặp đôi nào đó đạt được 5 điểm.

2.14 SAI THỨ TỰ GIAO BÓNG, ĐỠ GIAO BÓNG VÀ BÊN BÀN ĐÚNG

2.14.1 Nếu một đấu thủ giao bóng hoặc đỡ giao bóng không đúng lượt của mình, trọng tài dừng ngay trận đấu khi phát hiện sai lầm và cho tiếp tục trận đấu với tỷ số đã đạt được mà người giao bóng và đỡ giao bóng phải theo đúng thứ tự như đã được xác định lúc bắt đầu trận đấu và trong đấu đôi thứ tự giao bóng được chọn bởi đôi có quyền giao bóng đầu tiên trong ván đã phát hiện ra sai lầm.

2.14.2 Nếu đấu thủ không đổi phía bên bàn đứng mà đứng ra họ phải đổi, trọng tài dừng ngay trận đấu khi phát hiện ra lỗi sai này và cho tiếp tục trận đấu với tỷ số đã đạt được theo đúng phía bên bàn đứng như đã được xác định khi bắt đầu trận đấu.

2.14.3 Trong bất kỳ trường hợp nào, tất cả những điểm đã đạt được trước khi phát hiện sai lầm đều vẫn được tính.

2.15 PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH KHĂN TRƯỞNG(*)

2.15.1 Phương pháp đánh khăn trương sẽ được áp dụng nếu khi đã thi đấu hết 10 phút mà chưa kết thúc xong một ván, ngoại trừ cả hai đấu thủ hay hai đôi

đấu thủ đã đạt được ít ra tới 9 điểm hoặc là ở bất kỳ thời điểm nào sớm hơn theo yêu cầu của hai đấu thủ hay hai đôi đấu thủ.

2.15.1.1 Nếu bóng đang ở trong cuộc mà đã đến thời gian giới hạn thì trọng tài dừng trận đấu và trận đấu sẽ được tiếp tục với quả giao bóng bởi đấu thủ đã giao bóng của lần đánh bóng mà đã bị dừng lại;

2.15.1.2 Nếu bóng không ở trong cuộc khi đến thời gian giới hạn thì trận đấu sẽ tiếp tục với quả giao bóng thuộc về đấu thủ đỡ giao bóng ngay tức thì sau lần đánh bóng qua lại trước đó.

2.15.2 Sau đó mỗi đấu thủ sẽ luân phiên giao bóng cho từng điểm một và nếu đấu thủ hay cặp đôi đỡ trả bóng tốt 13 lần thì bên đỡ giao bóng sẽ được tính 1 điểm.

2.15.3 Một khi mà phương pháp đánh khăn trương đã được áp dụng hoặc nếu 1 ván đã kéo dài hơn 10 phút thì tất cả các ván tiếp theo của trận đấu sẽ áp dụng phương pháp đánh khăn trương.

3 NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC CUỘC THI ĐẤU QUỐC TẾ

3.1. PHẠM VI CỦA CÁC ĐIỀU LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH

3.1.1. Các loại cuộc thi đấu

3.1.1.1 Một cuộc thi quốc tế là cuộc thi đấu có thể bao gồm các đấu thủ của nhiều hơn một Liên đoàn.

3.1.1.2 Một trận đấu quốc tế là một trận đánh giữa các đội đại diện của các Liên đoàn.

3.1.1.3. Một giải thi đấu mở rộng là một giải thi đấu cho tất cả đấu thủ của các Liên đoàn tham gia.

3.1.1.4 Một giải thi đấu có giới hạn là một giải thi đấu hạn chế cho những đấu thủ trong các nhóm đã định rõ ngoài các nhóm theo tuổi.

3.1.1.5 Một giải mời là một giải thi đấu hạn chế cho những đấu thủ đã được định rõ mời riêng từng người.

3.1.2 Phạm vi áp dụng

3.1.2.1 Trừ qui định đã ghi ở điều 3.1.2.2. Các điều luật (luật Bóng bàn) sẽ áp dụng cho các cuộc thi đấu Vô địch thế giới, Châu lục, Olympic, các giải mở rộng và trừ khi trái ngược đã được các Liên đoàn tham gia đồng ý, đối với các trận đấu quốc tế.

3.1.2.2 Ban chấp hành có quyền cho phép người tổ chức một giải thi đấu mở rộng chấp thuận thử nghiệm những sự thay đổi luật đã được Ban thường vụ qui định.

3.1.2.3 Những qui định đối với các Cuộc thi Quốc tế sẽ áp dụng cho

3.1.2.3.1 Các cuộc thi Vô địch Thế giới và Olympic, trừ khi trái ngược đã được Ban chấp hành cho phép và báo trước cho các Liên đoàn tham dự;

3.1.2.3.2 Các cuộc thi vô địch Châu lục, trừ khi trái ngược đã được Liên đoàn Châu lục cho phép và báo trước cho các Liên đoàn tham dự;

3.1.2.3.3 Các giải quốc tế mở rộng, trừ khi trái ngược đã được Ban thường vụ cho phép và báo trước cho những người tham dự theo như điều 3.1.2.4;

3.1.2.3.4 Các giải thi đấu mở rộng, ngoại trừ qui định như ở điều 3.1.2.4;

3.1.2.4 Trường hợp một giải thi đấu mở rộng không phù hợp với bất kỳ một điểm nào đó của những điều qui định này thì tính chất và phạm vi thay đổi sẽ được ghi rõ trong mẫu đơn đăng ký; sự hoàn tất và nộp bản đăng ký sẽ được xem như biểu hiện chấp thuận các điều kiện của cuộc thi đấu bao gồm cả những thay đổi đó.

3.1.2.5 Nên áp dụng các điều luật và những qui định đối với tất cả các cuộc thi đấu quốc tế, tuy nhiên các điều kiện là phải tuân thủ hiến chương; các cuộc thi đấu quốc tế hạn chế, các giải mời và các cuộc thi được công nhận là thi đấu quốc tế do những người chưa gia nhập Liên đoàn tổ chức có thể tiến hành theo những qui tắc của cơ quan tổ chức có thẩm quyền đặt ra.

3.1.2.6 Các điều luật và những qui định cho các cuộc Thi đấu Quốc tế coi như đều được áp dụng trừ khi những thay đổi đã được đồng ý trước hay được công bố rõ trong điều lệ của cuộc thi.

3.1.2.7 Những giải thích chi tiết và những điều diễn dịch về những qui định bao gồm những đặc tính của các trang thiết bị sẽ được xuất bản như là các Tờ Kỹ thuật được Ban chấp hành cho phép và trong những sách Hướng dẫn dùng cho các nhân viên trận đấu và các Tổng trọng tài của giải.

3.2 TRANG BỊ DỤNG CỤ VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN THI ĐẤU

3.2.1 Trang bị dụng cụ được chấp thuận và phê chuẩn

3.2.1.1 Trang bị dụng cụ thi đấu được chấp thuận và phê chuẩn sẽ do Ủy ban trang bị dụng cụ thay mặt Ban chấp hành điều khiển; sự chấp thuận hay sự được phép có thể bị Ban chấp hành rút lại bất kỳ lúc nào nếu việc tiếp tục thực hiện nó thấy sẽ phương hại cho thể thao;

3.2.1.2 Mẫu đăng ký hay điều lệ đối với mỗi giải thi đấu mở rộng sẽ ghi rõ những nhãn hiệu và các màu sắc của bàn, bộ phận lưới và bóng sẽ dùng cho các cuộc thi đấu đó; việc chọn trang bị dụng cụ sẽ do Liên đoàn trên lãnh thổ tổ chức cuộc thi chọn lựa từ những nhãn hiệu và chủng loại đang được Liên đoàn bóng bàn thế giới chấp nhận;

3.2.1.3 Lớp phủ mặt vợt trên mặt cốt vợt dùng để đánh bóng sẽ là nhãn hiệu và loại đang được Liên đoàn bóng bàn thế giới phê chuẩn và sẽ dán vào cốt vợt sao cho nhãn hiệu thương mại và biểu tượng của Liên đoàn được trông thấy rõ ràng ở gần cạnh cuối của bề mặt đánh bóng.

3.2.2 Quần áo

3.2.2.1 Quần áo thi đấu thông thường bao gồm áo ngắn tay và quần soóc hay váy, tất và giày thi đấu; các quần áo khác như một phần hay cả bộ quần áo ngoài cũng không được mặc trong thi đấu trừ khi được tổng trọng tài cho phép.

3.2.2.2 Màu sắc chính của áo, váy hay quần soóc ngoại trừ tay và cổ áo phải khác hẳn với màu của bóng sử dụng.

3.2.2.3 Quần áo có thể mang số hay chữ viết trên lưng áo để xác định đấu thủ, Liên đoàn hay câu lạc bộ của người đó trong các trận thi đấu câu lạc bộ và các quảng cáo theo như các điều khoản 3.2.4.9.

3.2.2.4 Bất kỳ những con số mà những người tổ chức yêu cầu để xác định đấu thủ sẽ được ưu tiên hơn các quảng cáo và ở phần giữa lưng của áo; những con số đó sẽ giới hạn trong miếng vải có diện tích không quá 600cm².

3.2.2.5 Bất kỳ dấu hiệu hay đồ trang trí^(*) ở phía trước hay bên cạnh quần áo của đấu thủ và bất kỳ vật gì như trang sức mà đấu thủ đeo sẽ không được quá lộ liễu hay phản chiếu sáng vì làm trở ngại đối phương không quan sát được.

3.2.2.6 Quần áo không được mang những mẫu mã hay dòng chữ có thể gây xúc phạm hay làm cho cuộc đấu mang tai tiếng.

3.2.2.7 Bất cứ vấn đề gì liên quan đến sự hợp lệ hay khả năng có thể chấp thuận được của quần áo thi đấu sẽ do tổng trọng tài quyết định.

3.2.2.8 Các đấu thủ của một đội tham gia thi đấu đồng đội và những đấu thủ của cùng một Liên đoàn lập thành một đôi sẽ mặc quần áo giống nhau có thể ngoại trừ tất và giày.

3.2.2.9 Các đấu thủ và các đôi thi đấu với nhau sẽ mặc áo khác màu nhau rõ ràng để khán giả dễ phân biệt.

3.2.2.10 Khi các đấu thủ và các đội có quần áo giống nhau mà không thỏa thuận được ai sẽ thay thì sẽ quyết định bằng cách rút thăm.

3.2.2.11 Các vận động viên thi đấu ở giải Vô địch Thế giới, Olympic hoặc các giải Quốc tế mở rộng sẽ mặc các kiểu áo, quần soóc, váy do Liên đoàn của họ phê chuẩn.

3.2.3 Điều kiện thi đấu

3.2.3.1 Không gian nơi thi đấu không dưới 14m chiều dài, 7m chiều rộng và 5m chiều cao.

3.2.3.2 Diện tích thi đấu được quây chung quanh bằng các tấm chắn cùng có nền màu sẫm cao khoảng 75cm để ngăn cách nó với những diện tích thi đấu gần kề và khán giả.

3.2.3.3 Trong những cuộc thi đấu Thế giới và Olympic cường độ ánh sáng đo ở độ cao của mặt bàn ít nhất là 1000 lux đồng đều trên toàn diện tích của mặt bàn và không ít hơn 500lux ở bất kỳ chỗ nào của diện tích thi đấu, với những cuộc thi đấu khác thì ít nhất là 600lux đồng đều ở mặt bàn và không dưới 400 lux ở bất kỳ chỗ nào của diện tích thi đấu.

^(*) Đồ trang trí (như ren, đăng ten, kim tuyến v.v...)

3.2.3.4 Nơi mà cùng sử dụng một số bàn thì mức độ ánh sáng phải cùng nhau cho tất cả các bàn đó và mức độ ánh sáng của hậu cảnh nhà thi đấu sẽ không được lớn hơn mức độ thấp nhất của diện tích thi đấu

3.2.3.5 Nguồn ánh sáng không được thấp hơn 5m so với mặt sàn.

3.2.3.6 Nói chung hậu cảnh phải tối và không có những nguồn sáng chói cũng như ánh sáng ban ngày chiếu qua những cửa sổ không che hay những lỗ hở vết nứt khác.

3.2.3.7 Sàn không phải là màu sáng phản chiếu sáng hay trơn và mặt sàn không phải làm bằng gạch, bê tông hay đá; ở giải Vô địch thế giới và Olympic sàn nhà là sàn gỗ hay thảm cuộn bằng vật liệu tổng hợp có nhãn hiệu và chủng loại được Liên đoàn bóng bàn thế giới phê chuẩn.

3.2.4 Quảng cáo

3.2.4.1 Bên trong khu vực thi đấu, các quảng cáo chỉ biểu hiện trên dụng cụ hoặc các bộ phận biểu hiện trên dụng cụ hoặc các bộ phận thường có và ở đó không có thêm sự trưng bày đặc biệt nào.

3.2.4.2 Những màu sắc huỳnh quang hoặc phát quang không được sử dụng ở bất cứ nơi nào trong khu vực thi đấu.

3.2.4.3 Chữ hoặc những biểu tượng ở mặt trong của những tấm chắn không được gồm có màu trắng hay màu da cam, cũng không quá 2 màu và giới hạn chiều cao 40cm; đề nghị những cái đó nên cùng màu như tấm chắn nhưng màu sáng hơn hoặc tối hơn một chút.

3.2.4.4 Dấu hiệu trên sàn, ở cuối và bên cạnh của mặt bàn sẽ có màu sẫm hơn hay sáng hơn một chút màu của nền hoặc là màu đen.

3.2.4.5 Có thể có tới 4 quảng cáo trên sàn khu vực thi đấu, ở mỗi cuốn bàn 1 cái, ở mỗi bên cạnh bàn 1 cái, mỗi cái có giới hạn trong diện tích 2,5m², những quảng cáo đó phải cách các tấm chắn trên 1m và những cái ở cuối bàn không cách các tấm chắn trên 2m.

3.2.4.6 Có thể có 1 quảng cáo tạm thời ở cạnh bên của mỗi nửa bàn và 1 cái ở cuối bàn, khác biệt rõ ràng với bất kỳ quảng cáo cố định nào và mỗi cái được giới hạn trong một tổng chiều dài là 60cm; những cái đó sẽ không dùng cho những nhà cung cấp dụng cụ bóng bàn khác.

3.2.4.7 Các quảng cáo trên lưới sẽ là màu sáng hơn hay tối hơn màu nền của lưới và không ở trong phạm vi 3cm dọc theo băng mép trên của lưới và không che khuất tầm nhìn qua tấm lưới.

3.2.4.8 Các quảng cáo trên những bàn trọng tài hay đồ đạc khác trong khu vực thi đấu giới hạn trong một diện tích toàn bộ ở mặt là 750cm².

3.2.4.9 Các quảng cáo trên quần áo của đấu thủ sẽ giới hạn đối với

3.2.4.9.1 Nhãn hiệu thương mại của nhà sản xuất, biểu tượng hay tên giới hạn trong một tổng số diện tích là 24cm².

3.2.4.9.2 Không được quá 3 quảng cáo tách rời rõ ràng có giới hạn trong một diện tích kết hợp toàn bộ là 200 cm² đằng trước và phía bên của áo;

3.2.4.9.3 Một quảng cáo có giới hạn trong một diện tích toàn bộ là 200 cm² ở lưng áo;

3.2.4.9.4 Không được quá 2 quảng cáo, có giới hạn trong một diện tích kết hợp toàn bộ là 80 cm² trên quần soóc hoặc váy.

3.2.4.10 Các quảng cáo trên những số đeo của đấu thủ có giới hạn trong một diện tích toàn bộ là 100cm².

3.2.4.11 Các quảng cáo trên quần áo của trọng tài có giới hạn trong một diện tích toàn bộ là 40cm².

3.2.4.12 Không được quảng cáo thuốc lá, đồ uống có rượu, hoặc các loại thuốc có hại trên quần áo hay số đeo của đấu thủ.

3.3 QUYỀN HẠN CỦA CÁC NHÂN VIÊN

3.3.1 Tổng trọng tài

3.3.1.1 Đối với mỗi cuộc thi đấu nói chung phải bổ nhiệm một tổng trọng tài, nhận dạng và vị trí (chỗ làm việc) của tổng trọng tài được báo cho những người tham sự và thích hợp thì báo cho các đội trưởng.

3.3.1.2 Tổng trọng tài có trách nhiệm

3.3.1.2.1 Điều hành rút thăm thi đấu;

3.3.1.2.2 Sắp xếp lịch trình của các trận đấu theo thời gian và bàn;

3.3.1.2.3 Chỉ định các nhân viên của các trận đấu;

3.3.1.2.4 Phổ biến sự triển khai phương án cho các nhân viên của trận đấu trước cuộc thi đấu;

3.3.1.2.5 Kiểm tra tư cách dự thi của các đấu thủ;

3.3.1.2.6 Quyết định có cho dừng trận đấu trong tình trạng cấp thiết hay không

3.3.1.2.7 Quyết định có cho phép đổi thủ rời khu vực thi đấu trong một trận đấu hay không;

3.3.1.2.8 Quyết định có cho phép kéo dài thời gian đánh thử theo luật định hay không;

3.3.1.2.9 Quyết định có cho phép các đấu thủ mặc quần áo dài bên ngoài^(*) ở một trận đấu hay không;

3.3.1.2.10 Quyết định bất cứ vấn đề nào giải thích các điều luật và các quy định bao gồm cả việc chấp thuận đối với quần áo, dụng cụ và điều kiện thi đấu;

3.3.1.2.11 Quyết định có được phép và các đấu thủ có thể tập dượt ở đâu trong tình trạng cấp thiết dừng trận đấu;

^(*) *Survêtement*

3.3.1.2.12 Thực hiện các biện pháp kỷ luật hành vi xấu hoặc các vi phạm khác đối với các quy định.

3.3.1.3 Khi, với sự đồng ý của ban điều hành cuộc thi, một số nhiệm vụ của tổng trọng tài sẽ được giao cho những người khác, những trách nhiệm cụ thể rành mạch và những vị trí (chỗ làm việc) của từng người trong số họ cần được báo cho những người tham dự, thuận tiện thì báo cho các đội trưởng.

3.3.1.4 Tổng trọng tài hay người có trách nhiệm đại diện cho tổng trọng tài khi vắng mặt phải luôn có mặt trong suốt thời gian thi đấu.

3.3.1.5 Khi tin chắc rằng cần thiết phải làm như thế thì tổng trọng tài có thể thay nhân viên của trận đấu bằng người khác bất cứ lúc nào, nhưng không thể sửa đổi một quyết định của nhân viên trận đấu đã bị thay thế về một vấn đề thực tế trong phạm vi thuộc thẩm quyền của người đó.

3.3.2 Các nhân viên của trận đấu

3.3.2.1 Một trọng tài và một phụ tá trọng tài được chỉ định cho mỗi trận đấu.

3.3.2.2 Trọng tài sẽ ngồi hay đứng ở phía cạnh bàn thắng hàng với lưới và người phụ tá sẽ ngồi đối diện với trọng tài ở phía bên kia của bàn.

3.3.2.3 Trọng tài có trách nhiệm

3.3.2.3.1 Kiểm tra chấp thuận dụng cụ thi đấu cũng như các điều kiện thi đấu và báo cáo bất kỳ thiếu sót gì với tổng trọng tài;

3.3.2.3.2 Chọn ảnh hưởng quả bóng theo ngẫu nhiên như đưa ra ở điều 3.4.2.1.1-2;

3.3.2.3.3 Tiến hành rút thăm để chọn giao bóng, đỡ giao bóng và các phía cuối của bàn;

3.3.2.3.4 Quyết định xem có thể nói lỏng những yêu cầu của điều luật giao bóng đối với một đấu thủ có khuyết tật;

3.3.2.3.5 Giám sát việc giao bóng, đỡ giao bóng, phía bàn đứng và sửa bất kỳ lỗi nào trong phương diện đó;

3.3.2.3.6 Quyết định mỗi loạt đánh bóng là một điểm hay là lần đánh lại;

3.3.2.3.7 Xướng điểm theo như thủ tục đã qui định;

3.3.2.3.8 áp dụng phương pháp đánh khăn trương vào thời điểm thích hợp;

3.3.2.3.9 Bảo đảm tính liên tục của cuộc đấu;

3.3.2.3.10 Có biện pháp giải quyết đối với những phạm vi qui định về chỉ đạo ngoài bàn và thái độ tác phong.

3.3.2.4 Trợ lý trọng tài sẽ quyết định quả bóng đang trong cuộc có chạm vào cạnh trên của bàn hay không, phía bàn mà gần anh ta nhất.

3.3.2.5 Trọng tài hoặc trợ lý trọng tài có thể

3.3.2.5.1 Quyết định động tác giao bóng của đấu thủ là trái với luật;

3.3.2.5.2 Quyết định là khác với một quả giao bóng tốt, khi bay qua hay vòng qua lưới bóng đã chạm vào bộ phận lưới;

3.3.2.5.3 Quyết định là đấu thủ đã cản bóng.

3.3.2.5.4 Quyết định rằng các điều kiện thi đấu bị xáo trộn ở một chừng mực nào đó nó có thể ảnh hưởng tới kết quả của loạt đường bóng đánh qua lại;

3.3.2.5.5 Tính khoảng thời gian của giai đoạn vượt bóng, thi đấu và các lần tạm nghỉ.

3.3.2.6 Có thể là trợ lý trọng tài hay một nhân viên khác thực hiện việc đếm số lần đỡ bóng của đấu thủ hay đôi đấu thủ khi tiến hành phương pháp đánh khăn trương.

3.3.2.7 Một quyết định của phụ tá trọng tài hay người đếm theo đúng những qui định của điều 3.3.2.5-6 thì không thể bị trọng tài chính bác bỏ.

3.3.3 Khiếu nại

3.3.3.1 Không có một sự nhất trí nào giữa các đấu thủ trong một trận đấu cá nhân hoặc giữa những đội trưởng trong một trận đấu đồng đội lại có thể sửa đổi một quyết định về một vấn đề thực tế của nhân viên có trách nhiệm về trận đấu, cũng như về vấn đề giải thích Luật và các Qui định của tổng trọng tài có trách nhiệm về bất kỳ vấn đề gì của cuộc thi hay trận đấu tiến hành mà ban tổ chức điều hành chịu trách nhiệm.

3.3.3.2 Không có khiếu nại nào đưa cho tổng trọng tài để chống lại quyết định về một vấn đề thực tế của nhân viên có trách nhiệm của trận đấu hoặc đưa cho ban tổ chức điều hành về một vấn đề giải thích Luật hoặc các Qui định của tổng trọng tài.

3.3.3.3 Có thể khiếu nại với tổng trọng tài về quyết định của nhân viên của trận đấu trong việc giải thích Luật hoặc các Qui định và quyết định của tổng trọng tài sẽ là tối hậu.

3.3.3.4 Có thể khiếu nại với ban tổ chức điều hành thi đấu đối với một quyết định của tổng trọng tài về vấn đề của cuộc thi hay của trận đấu tiến hành mà có trong Luật và các Qui định và quyết định của ban tổ chức điều hành sẽ là tối hậu.

3.3.3.5 Trong trận đấu cá nhân chỉ có đấu thủ đang trong cuộc đấu xảy ra vấn đề mới được khiếu nại; trong cuộc đấu đồng đội chỉ có đội trưởng của đội đang thi đấu nảy sinh vấn đề mới được khiếu nại.

3.3.3.6 Đấu thủ hay đội trưởng có quyền thông qua Hiệp hội của mình khiếu nại tới Ủy ban luật của Liên đoàn bóng bàn thế giới xem xét một vấn đề nảy sinh về giải thích Luật lệ và các Qui định trong quyết định của tổng trọng tài hoặc về vấn đề phát sinh khi điều hành trận đấu trong quyết định của ban tổ chức cuộc thi.

3.3.3.7 Ủy ban luật sẽ đưa ra một quyết định làm điều chỉ dẫn cho các phán quyết sau này và quyết định này cũng có thể là chủ đề bản kháng nghị của một Liên đoàn với Ban chấp hành hay với Hội nghị toàn thể nhưng nó sẽ không ảnh

hưởng tới tính chung cuộc của bất kỳ phán quyết nào mà tổng trọng tài có trách nhiệm hoặc ban tổ chức điều hành đã đưa ra.

3.4 ĐIỀU HÀNH TRẬN ĐẤU

3.4.1 Xướng điểm

3.4.1.1 Trọng tài xướng điểm ngay khi bóng đã ở ngoài cuộc lúc kết thúc của một loạt đường bóng đánh qua lại hoặc có thể thực hiện sớm ngay sau đó.

3.4.1.1.1 Khi xướng điểm trong một ván, trước tiên trọng tài xướng số điểm được của đấu thủ hoặc cặp đấu thủ sắp giao ở lần tiếp theo, và sau đó mới xướng điểm của đấu thủ hay cặp đấu thủ đối phương.

3.4.1.1.2 Vào đầu ván và trong một lần đối người giao bóng, sau khi xướng điểm trọng tài sẽ nêu tên và chỉ người sẽ giao bóng lần tới.

3.4.1.1.3 Cuối mỗi ván, trọng tài sẽ nói tên đấu thủ hay cặp đấu thủ thắng rồi báo số điểm thắng của họ và sau đó là số điểm của đấu thủ hay cặp đấu thủ bị thua.

3.4.1.2 Ngoài việc xướng điểm ta trọng tài có thể dùng các ký hiệu bằng tay để cho biết về các quyết định của mình.

3.4.1.2.1 Khi một điểm được ghi, trọng tài có thể giơ cao ngang vai tay gần nhất với đấu thủ hay đôi đấu thủ vừa được điểm.

3.4.1.2.2 Khi vì một lý do nào đó phải đánh lại, trọng tài có thể giơ cao tay trên đầu để chỉ ra là loạt đường bóng qua lại đó đã kết thúc.

3.4.1.3 Xướng điểm cũng như số lần đánh bóng khi áp dụng phương pháp đánh khẩn trương sẽ dùng tiếng Anh hoặc một thứ tiếng mà cả hai đấu thủ hoặc hai đôi đấu thủ và trọng tài đều chấp thuận.

3.4.1.4 Điểm số sẽ được thể hiện bằng những bảng cơ học hay điện tử song phải làm sao cho cả đấu thủ và khán giả đều thấy rõ.

3.4.1.5 Khi một đấu thủ chính thức bị cảnh cáo về thái độ xấu thì một dấu hiệu màu vàng sẽ được đặt gần bảng số cạnh số điểm của đấu thủ đó.

3.4.2 Dụng cụ

3.4.2.1 Các đấu thủ sẽ không chọn bóng ở trong khu vực thi đấu.

3.4.2.1.1 Trước khi vào khu vực thi đấu ở bất kỳ nơi nào thuận tiện các đấu thủ sẽ chọn ra một số quả bóng và trọng tài sẽ ngẫu nhiên lấy một trong số những quả bóng đó để dùng cho trận đấu.

3.4.2.1.2 Nếu trước khi vào khu vực thi đấu mà các đấu thủ không chọn ra được quả bóng nào thì trọng tài sẽ ngẫu nhiên lấy trong hộp bóng giành cho cuộc thi một quả bóng để dùng cho trận đấu.

3.4.2.1.3 Nếu trong một trận đấu mà quả bóng bị hư hại thì nó sẽ được thay bằng một trong số những quả bóng đã được chọn trước trận đấu còn nếu như không có quả bóng như thế thì trọng tài sẽ chọn 1 cách ngẫu nhiên trong một hộp bóng được dùng cho cuộc thi đó.

3.4.2.2 Trong một trận đấu cá nhân không được thay vợt trừ khi nó ngẫu nhiên bị hư hại đến mức không thể sử dụng được; trong trường hợp này sẽ được thay thế ngay bằng chiếc vợt mà đấu thủ đã mang theo cùng vào khu vực thi đấu hay bằng chiếc vợt khác được đưa cho đấu thủ đó trong khu vực thi đấu.

3.4.2.3 Trong khoảng thời gian nghỉ (lúc tạm dừng) các đấu thủ phải để vợt của mình ở trên bàn trừ khi trọng tài cho phép thì mới được làm khác đi.

3.4.3 Đánh thử

3.4.3.1 Các đấu thủ được quyền đánh thử (khởi động với bóng) trong 2 phút tại bàn thi đấu ngay trước khi bắt đầu một trận đấu song không phải trong những lúc tạm dừng thông thường; thời gian đánh thử đặc biệt có thể kéo dài nhưng phải được sự cho phép của tổng trọng tài.

3.4.3.2 Trong lúc khẩn cấp tạm đình chỉ trận đấu thì tổng trọng tài có thể cho các đấu thủ đánh tập trên bất kỳ chiếc bàn nào kể cả bàn thi đấu.

3.4.3.3 Các đấu thủ sẽ có cơ hội hợp lý để kiểm tra và làm quen với bất cứ dụng cụ nào mà họ sẽ sử dụng, nhưng như thế không phải tự động cho phép họ có quyền nhiều hơn vài lần đánh tập các đường bóng qua lại trước khi tiếp tục trận đấu sau lúc đã thay bóng hay vợt bị hỏng.

3.4.4 Những thời gian tạm dừng

3.4.4.1 Trận đấu phải diễn ra liên tục ngoại trừ bất kỳ đấu thủ nào cũng có quyền

3.4.4.1.1 Được tạm nghỉ trong vòng 1 phút giữa các ván liên tiếp của một trận đấu;

3.4.4.1.2 Những lần nghỉ ngắn để lau mồ hôi sau mỗi đợt 6 điểm kể từ khi bắt đầu mỗi ván đấu hay khi đổi bên ở ván cuối cùng của trận đấu.

3.4.4.2 Trong một trận đấu thì một đấu thủ hay đôi đấu thủ có thể yêu cầu được tạm dừng ảnh hưởng lẫn trong khoảng thời gian một phút.

3.4.4.2.1 Trong một trận đấu cá nhân thì đấu thủ, đôi đấu thủ hay người được chỉ định là chỉ đạo viên có thể yêu cầu xin được tạm dừng; trong thi đấu đồng đội thì yêu cầu đó có thể do đấu thủ, đôi đấu thủ hay đội trưởng thực hiện.

3.4.4.2.2 Chỉ có thể yêu cầu cho tạm dừng khi quả bóng đã ở ngoài cuộc chơi và ra ký hiệu chữ “T” bằng tay.

3.4.4.2.3 Khi tiếp nhận một yêu cầu tạm nghỉ có hiệu lực trọng tài sẽ tạm dừng trận đấu giơ lên một tấm thẻ trắng, sau đó thì đặt tấm thẻ trên mặt bàn của đấu thủ hay đôi đấu thủ yêu cầu.

3.4.4.2.4 Thẻ trắng sẽ được lấy đi và trận đấu sẽ tiếp tục ngay khi đấu thủ, đôi đấu thủ xin tạm nghỉ đã sẵn sàng thi đấu tiếp hay lúc cuối của một phút.

3.4.4.3 Tổng trọng tài có thể cho phép tạm ngừng trận đấu trong một thời gian ngắn nhất và bất cứ trường hợp nào cũng không quá 10 phút, nếu một đấu thủ tạm thời bị suy yếu do một tai nạn, với điều kiện là ý kiến của tổng trọng tài thấy

rằng việc tạm ngừng trận đấu không làm bất lợi cho đôi thủ hay cặp đôi đối phương.

3.4.4.4 Không cho phép ngừng trận đấu vì một khuyết tật hiện có hay tương đối là chuyện thường tình khi bắt đầu trận đấu hoặc là sự căng thẳng thông thường của trận đấu; sự bất lực như chuột rút hay kiệt sức do tình trạng sức khỏe hiện hành của đấu thủ hay bởi cách diễn tiến của trận đấu không là lý do chính đáng để ngừng trận đấu khẩn cấp, điều đó chỉ có thể cho phép khi sự bất lực là hậu quả của một tai nạn như bị tổn thương do té ngã.

3.4.4.5 Nếu một người nào đó bị chảy máu trong khu vực thi đấu thì trận đấu phải dừng ngay lại và chỉ tiếp tục sau khi người đó đã nhận được chăm sóc của y tế và các vết máu đã được dọn sạch ở khu vực thi đấu.

3.4.4.6 Các đấu thủ phải ở trong hay gần khu vực thi đấu trong suốt cả trận đấu, trừ khi được tổng trọng tài cho phép; trong thời gian tạm nghỉ giữa các ván các đấu thủ phải ở lại trong vòng 3m của khu vực thi đấu dưới sự giám sát của trọng tài.

3.5 KỸ LUẬT

3.5.1 Góp ý kiến

3.5.1.1 Trong thi đấu đồng đội, các đấu thủ có thể nhận sự góp ý (chỉ đạo) của bất kỳ người nào.

3.5.1.2 Trong các giải cá nhân, một đấu thủ hay đôi đấu thủ chỉ có thể nhận ý kiến chỉ đạo của một người, người đó đã được xác định cho trọng tài biết trước, trừ khi các đấu thủ của một cặp đôi là của khác Liên đoàn thì mỗi đấu thủ có thể chỉ định một người chỉ đạo (góp ý); nếu như người không được phép mà góp ý (chỉ đạo) thì trọng tài sẽ giơ thẻ đỏ và đuổi người đó ra khỏi khu vực thi đấu.

3.5.1.3 Các đấu thủ chỉ có thể nhận góp ý chỉ đạo trong thời gian nghỉ giữa các ván hoặc trong khi được phép tạm dừng trận đấu và không phải giữa lúc kết thúc khởi động với bóng trên bàn với lúc bắt đầu trận đấu; nếu bất kỳ người được chỉ định nào mà góp ý chỉ đạo vào các thời điểm khác thì trọng tài sẽ giơ thẻ vàng cảnh cáo rằng nếu có bất cứ điều vi phạm tương tự nào như thế nữa thì người đó sẽ bị đuổi khỏi khu vực thi đấu.

3.5.1.4 Sau khi đã bị cảnh cáo một lần, nếu cùng trong trận thi đấu đồng đội hay cùng trong trận của một giải thi đấu cá nhân, bất cứ người nào lại góp ý chỉ đạo trái luật thì trọng tài sẽ giơ thẻ đỏ và đuổi người đó khỏi khu vực thi đấu cho dù người này có phải là người đã bị cảnh cáo hay không.

3.5.1.5 Trong một trận thi đấu đồng đội người góp ý chỉ đạo đã bị đuổi sẽ không được phép trở lại cho đến khi trận thi đấu đồng đội kết thúc trừ khi là yêu cầu để thi đấu; trong cuộc thi đấu cá nhân người đó sẽ không được phép trở lại cho đến hết trận đấu cá nhân đó.

3.5.1.6 Nếu người góp ý chỉ đạo bị đuổi từ chối không chịu đi hoặc trở lại trước khi kết thúc trận đấu thì trọng tài sẽ dừng thi đấu và báo cáo với tổng trọng tài.

3.5.1.7 Những qui định này chỉ áp dụng đối với chỉ đạo trong lúc thi đấu và sẽ không ngăn cản đấu thủ hay đội trưởng, tùy trường hợp kháng cáo hợp lệ hay cản trở sự tham khảo ý kiến với phiên dịch viên hay người đại diện của Liên đoàn mình trong việc giải thích một quyết định có tính cách pháp lý.

3.5.2 Cư xử xấu

3.5.2.1 Các đấu thủ và các huấn luyện viên cần kiểm chế cách xử sự có thể ảnh hưởng xấu tới đối thủ, xúc phạm các khán giả hoặc làm cho thể thao bị mang tiếng; ví dụ như lời nói lăng mạ, cố ý làm vỡ bóng hoặc đánh bóng ra khỏi phạm vi thi đấu, đá bàn hay các tấm chắn, thay vợt mà không báo hoặc không tin trọng các nhân viên trận đấu.

3.5.2.2 Bất cứ khi nào đấu thủ hay huấn luyện viên phạm lỗi nặng thì trọng tài sẽ đình chỉ thi đấu và báo cáo ngay với tổng trọng tài; đối với lỗi nhẹ hơn thì lần đầu tiên trọng tài có thể giơ thẻ vàng và cảnh cáo người phạm lỗi là nếu còn tiếp tục thì sẽ bị phạt.

3.5.2.3 Trừ trường hợp đã nói ở điều 3.5.2.2 và 3.5.2.5 nếu một vận động viên vừa bị cảnh cáo lại phạm đến lỗi thứ 2 trong cùng trận đấu cá nhân hay trận đấu đồng đội thì trọng tài sẽ cho đối thủ của vận động viên vừa phạm lỗi được hưởng 1 điểm và đối với mỗi lỗi tiếp theo thì sẽ cho hưởng 2 điểm, ở mỗi lần như vậy thì giơ một thẻ vàng cùng với một thẻ đỏ.

3.5.2.4 Nếu đấu thủ bị phạt 3 điểm cùng một trận đấu cá nhân hay trận đấu đồng đội mà vẫn tiếp tục cư xử xấu thì trọng tài sẽ dừng trận đấu và báo cáo ngay với tổng trọng tài.

3.5.2.5 Trong một trận đấu cá nhân nếu đấu thủ thay vợt khi trường hợp chiếc vợt không bị hư hỏng thì trọng tài sẽ dừng trận đấu và báo cáo với tổng trọng tài.

3.5.2.6 Sự cảnh cáo hay phạt lỗi của bất kỳ đấu thủ nào của một đội chỉ có hiệu lực đối với đội đó, không có hiệu lực đối với đấu thủ không phạm lỗi trong trận đấu cá nhân tiếp theo của cùng trận đấu đồng đội đó; lúc bắt đầu của trận đấu đôi một đôi xem như đã chịu những lời cảnh cáo hay hình phạt cao hơn của bất kỳ đấu thủ nào trong cùng trận đấu đồng đội đó.

3.5.2.7 Trừ việc nêu ở điểm 3.5.2.2, nếu như huấn luyện viên đã bị cảnh cáo mà phạm một lỗi tiếp theo trong cùng trận đấu cá nhân hay trận đấu đồng đội thì trọng tài sẽ giơ thẻ đỏ và đuổi huấn luyện viên đó ra khỏi khu vực thi đấu cho đến hết trận đấu đồng đội hay trận đấu cá nhân của giải thi đấu cá nhân.

3.5.2.8 Tổng trọng tài có quyền loại một đấu thủ ra khỏi một trận đấu, một giải hay một cuộc thi vì không trung thực nghiêm trọng hay cư xử xấu, cho dù trọng tài bàn có báo cáo hay không, vì là mình quyết định nên tổng trọng tài sẽ giơ thẻ đỏ lên.

3.5.2.9 Nếu đấu thủ đã bị truất quyền thi đấu 2 trận ở giải đồng đội hay giải cá nhân thì sẽ tự động bị loại khỏi giải đồng đội hay giải cá nhân đó.

3.5.2.10 Tổng trọng tài có thể truất quyền phân thi đấu còn lại của cuộc thi với bất cứ ai nếu người đó đã 2 lần bị đuổi khỏi khu vực thi đấu trong quá trình của cuộc thi đó.

3.5.2.11 Những trường hợp cư xử xấu rất nghiêm trọng thì sẽ thông báo cho Hiệp hội của người đã vi phạm.

3.5.3 Dán vệt

3.5.3.1 Các mặt vợt có thể dán vào cốt vợt bằng cách dùng các tờ dính nhạy cảm áp lực hay các chất keo mà không chứa dung môi bị cấm. Bản danh mục các dung môi bị cấm có sẵn ở ban thư ký.

3.5.3.2 Những cuộc kiểm tra với các loại dung môi bị cấm sẽ được tiến hành tại Giải vô địch thế giới, Olympic và các cuộc thi chủ yếu của loạt giải đấu chuyên nghiệp. Nếu một đấu thủ nào có vợt bị phát hiện sử dụng loại dung môi bị cấm thì sẽ bị loại khỏi cuộc thi và thông báo cho Hiệp hội của người đó.

3.5.3.3 Sẽ bố trí một diện tích thông thoáng thích hợp dành cho việc dán mặt vợt và các keo dán lỏng sẽ không được dùng ở bất cứ chỗ nào khác trong hội trường thi đấu.

3.6 RÚT THĂM CÁC CUỘC THI ĐẤU LOẠI TRỰC TIẾP

3.6.1 Được miễn và được vào đấu vòng kế tiếp

3.6.1.1 Số lượng vị trí ở vòng đầu tiên của đấu loại trực tiếp phải là lũy thừa của 2.

3.6.1.1.1 Nếu số lượng đăng ký ít hơn số vị trí thi đấu thì vòng đầu tiên phải gồm đủ số được miễn^(*) để đạt được số lượng yêu cầu.

3.6.1.1.2 Nếu số lượng đăng ký nhiều hơn số vị trí thi đấu thì sẽ tổ chức một cuộc đấu loại sao cho số vượt qua vòng loại cộng với số không phải đấu loại bằng với số vị trí theo yêu cầu.

3.6.1.2 Các vị trí được miễn được phân bổ càng đều càng tốt ngay từ vòng đầu, trước hết được xếp đối diện với các vị trí hạt giống theo thứ tự xếp hạng hạt giống.

3.6.1.3 Những người đủ tiêu chuẩn được rút thăm càng đồng đều càng tốt vào 1/2, 1/4, 1/8, 1/16 bảng sao cho thích hợp.

3.6.2 Chọn hạt giống theo thứ tự xếp hạng

3.6.2.1 Trong một giải những đăng ký dự thi có thứ tự xếp hạng cao nhất sẽ được xếp vào các vị trí hạt giống để sao cho họ không phải gặp nhau trước những vòng đấu cuối cùng.

3.6.2.2 Số được chọn làm hạt giống không được vượt quá số lượng thích hợp đăng ký ở vòng đấu đầu tiên của giải thi đấu đó.

^(*) Hay còn gọi là vị trí trống (ND).

3.6.2.3 Hạt giống số 1 sẽ được xếp vào vị trí đầu tiên của nửa phần thứ nhất bảng rút thăm và hạt giống số 2 sẽ xếp vào vị trí cuối cùng của nửa phần thứ hai, còn tất cả các hạt giống khác sẽ rút thăm và các vị trí đã được qui định như sau:

3.6.2.3.1 Hạt giống số 3 và 4 sẽ được rút thăm vào vị trí cuối cùng của nửa phần thứ nhất hay vị trí đầu của nửa phần thứ hai;

3.6.2.3.2 Những hạt giống từ 5 đến 8 thì được rút thăm vào các vị trí cuối những phần tư lẻ của bảng ($1/4$) và đầu những phần tư chẵn;

3.6.2.3.3 Những hạt giống từ 9 đến 16 thì được rút thăm vào các vị trí cuối cùng những phần tám lẻ của bảng ($1/8$) và đầu những phần tám chẵn;

3.6.2.3.4 Những hạt giống từ 17 đến 32 được rút thăm vào các vị trí cuối những phần mười sáu lẻ ($1/16$) của bảng và ở đầu những phần mười sáu chẵn.

3.6.2.4 Trong một cuộc thi đấu đồng đội theo thể thức loại trực tiếp thì chỉ có một đội xếp hạng cao nhất của một Liên đoàn mới có đủ tư cách được xếp chọn làm hạt giống theo thứ tự xếp hạng.

3.6.2.5 Việc xếp hạng hạt giống phải tuân theo thứ tự của bảng xếp hạng mới nhất do Liên đoàn bóng bàn thế giới công bố trừ 3.6.2.5.1 Trường hợp tất cả những đăng ký có đủ tư cách được chọn là hạt giống đều thuộc những Hội của cùng một Liên đoàn Châu lục thì bảng xếp hạng mới nhất của Liên đoàn Châu Lục ấy sẽ được ưu tiên;

3.6.2.5.2 Trường hợp tất cả những đăng ký có đủ tư cách được chọn là hạt giống mà đều thuộc cùng một Liên đoàn thì bảng xếp hạng mới nhất của Liên đoàn đó sẽ được ưu tiên.

3.6.3 Phân bố theo đề cử của Liên đoàn

3.6.3.1 Những đấu thủ và những đôi đối thủ của cùng một Liên đoàn sẽ được phân bố càng xa càng tốt sao cho họ không gặp nhau trước những vòng cuối của giải.

3.6.3.2 Các Liên đoàn lập đăng ký danh sách các đấu thủ và các cặp đôi theo thứ tự trình độ ao xuống thấp bắt đầu với bất kỳ những đấu thủ nào nằm trong bảng xếp hạng được dùng để chọn hạt giống, theo thứ tự của danh sách đó.

3.6.3.3 Đăng ký thứ tự số 1 và số 2 sẽ được rút thăm vào những phần của bảng khác nhau, số 3 và 4 sẽ rút vào $1/4$ bảng khác không cùng $1/4$ bảng mà 2 người đầu đã rút thăm vào.

3.6.3.4 Đăng ký thứ tự số 5 đến số 8 sẽ được rút thăm càng đều càng tốt vào những phần tám ($1/8$) của bảng, mà ở đó không có 4 vị trí trước.

3.6.3.5 Đăng ký thứ tự số 9 đến số 16 sẽ được rút thăm càng đều càng tốt vào những phần mười sáu ($1/16$) của bảng, mà ở đó không có vị trí của những đấu thủ hay những đôi đấu thủ xếp hạng cao hơn và cứ như vậy cho đến khi tất cả các đăng ký được sắp xếp xong.

3.6.3.6 Một đôi nam hay một đôi nữ gồm đấu thủ của hai Liên đoàn khác nhau được coi như là một đôi của Liên đoàn có đấu thủ xếp hạng cao hơn trong

bảng xếp hạng thế giới hay khi cả hai đều không có trong danh sách ấy thì sẽ tính xem người có trong bảng thích hợp của Châu lục; nếu cả hai đấu thủ không có ở cả hai danh sách xếp hạng trên thì đôi nào được coi như một đôi thành viên của Liên đoàn mà có thứ hạng xếp cao hơn ở bảng xếp hạng đồng đội thích hợp của giải vô địch thế giới.

3.6.3.7 Một đôi nam nữ hỗn hợp gồm đấu thủ của hai Liên đoàn khác nhau sẽ được coi là một đôi Liên đoàn mà đấu thủ nam có trực thuộc.

3.6.3.8 Trong một cuộc đấu loại những đăng ký thuộc cùng một Liên đoàn ít hơn hoặc bằng số lượng của các nhóm đấu loại phải được rút thăm vào các nhóm khác nhau theo các đó những người được quyền vào thi đấu tiếp vòng sau ở các vị trí càng xa nhau càng tốt theo như những nguyên tắc của điều 3.6.3.3-5.

3.6.3.9 Một Liên đoàn có thể đề cử một đấu thủ trong thẩm quyền của mình dự thi bất cứ giải thi đấu cá nhân nào mà người ấy có đủ khả năng, tuy nhiên một đấu thủ đủ tư cách đại diện cho Liên đoàn nào đó vẫn có quyền chấp nhận sự đề cử của Liên đoàn đó.

3.6.4 Những thay đổi

3.6.4.1 Cuộc rút thăm đã hoàn tất thì chỉ có thể thay đổi được khi được phép của ban điều hành có trách nhiệm và trường hợp thích hợp có sự đồng ý của các đại diện Liên đoàn có liên quan trực tiếp.

3.6.4.2 Việc rút thăm có thể thay đổi chỉ để sửa những sai sót và những sự hiểu lầm thực sự trong việc thông báo và nhận đăng ký, để sửa sự mất cân đối nghiêm trọng như đã quy định ở điều 3.6.6.

3.6.4.3 Không có bất kỳ sự thay đổi nào khác ngoài những loại bỏ cần thiết của bảng rút thăm sau khi giải đã bắt đầu thi đấu, cho vì mục đích của quy định này thì một cuộc đấu loại có thể coi như một giải riêng.

3.6.4.4 Trừ khi bị truất quyền thi đấu còn thì không một đấu thủ nào bị gạt bỏ khỏi bảng rút thăm nếu không có sự đồng ý của người đó khi có mặt hoặc của người đại diện hay được ủy quyền khi đấu thủ đó vắng mặt.

3.6.4.5 Không được phép thay đổi một cặp đấu đôi nếu cả hai đấu thủ đều có mặt và sẵn sàng thi đấu; nhưng một đấu thủ bị thương, bị ốm hay vắng mặt thì có thể chấp nhận sự biện minh cho một sự thay đổi.

3.6.5 Rút thăm lại

3.6.5.1 Trừ những quy định như ở điều 3.6.4.2, 3.6.4.5 và 3.6.5.2, một đấu thủ không được chuyển từ vị trí này sang vị trí khác trong bảng rút thăm và nếu vì một lý do nào đó bảng rút thăm trở nên mất cân đối nghiêm trọng hễ khi có thể được thì giải đó sẽ rút thăm lại hoàn toàn.

3.6.5.2 Trường hợp khác thường, khi sự mất cân đối do sự vắng mặt của một vài đơn hay đôi hạt giống trong cùng phần của bảng rút thăm, thì số đơn hay đôi hạt giống còn lại chỉ có thể đánh số lại theo thứ tự xếp hạng và rút thăm lại trong

chừng mực có thể được vào các vị trí hạt giống tính đến thực thi những yêu cầu đối với đề cử hạt giống của Liên đoàn.

3.6.6 Bổ sung

3.6.6.1 Những đấu thủ chưa có tên trong bảng rút thăm ban đầu có thể bổ sung sau theo nhận xét của ủy ban điều hành có trách nhiệm và sự đồng ý của tổng trọng tài.

3.6.6.2 Bất kỳ những vị trí hạt giống bị khuyết nào phải được bổ sung trước theo thứ tự xếp hạng, bằng cách rút thăm vào các vị trí đó những đấu thủ và những cặp đôi mới mạnh nhất; còn những đấu thủ và những đôi tiếp theo sẽ được rút thăm vào những vị trí khuyết do vắng mặt hoặc do bị truất quyền thi đấu và sau đó vào những vị trí được miễn khác ngoài những vị trí đối diện với những đấu thủ hay những đôi hạt giống.

3.6.6.3 Bất kỳ đấu thủ hay cặp đôi đều nêu được rút vào bảng rút thăm ban đầu mà đáng lẽ họ được chọn là hạt giống theo bảng xếp hạng thì chỉ có thể được rút thăm vào các vị trí chỗ trống của các vị trí hạt giống.

3.7 TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI ĐẤU

3.7.1 Thẩm quyền

3.7.1.1 Với điều kiện là tuân thủ hiến chương, bất kỳ Liên đoàn nào cũng có thể tổ chức hoặc ủy quyền tổ chức các giải mở rộng, giải hạn chế, giải mời trên lãnh thổ của mình hay tổ chức các trận giao đấu quốc tế.

3.7.1.2 Vào bất kỳ mùa giải nào, một Liên đoàn có thể đề cử một giải thanh niên, một giải thiếu niên và một giải lão tướng^(*) tổ chức như là ảnh hưởng giải quốc tế mở rộng thanh niên, thiếu niên và lão tướng của họ một đấu thủ chỉ có thể tham gia thi đấu các giải đó với sự cho phép của Liên đoàn mình, nhưng sự cho phép như thế không thể bị từ chối một cách không hợp lý.

3.7.1.3 Một đấu thủ không thể tham gia một giải hạn chế hay một giải mời mà không có sự cho phép của Liên đoàn mình, trừ khi đã được phép chung của Liên đoàn bóng bàn thế giới hoặc khi các đấu thủ đều cùng thuộc một Châu thì phải được phép của Liên đoàn Châu ấy.

3.7.1.4 Một đấu thủ không thể tham gia 1 cuộc thi đấu quốc tế nếu như đấu thủ ấy bị Liên đoàn của mình tạm đình chỉ.

3.7.1.5 Không một cuộc thi đấu nào được mang danh nghĩa Thế giới nếu không được phép của Liên đoàn bóng bàn thế giới hoặc danh nghĩa Châu lục nếu không được phép của Liên đoàn Châu ấy.

3.7.2 Đại diện

3.7.2.1 Các đại diện của tất cả các Liên đoàn có đấu thủ tham gia một giải quốc tế mở rộng đều có quyền tham sự cuộc rút thăm và tham gia ý kiến trong

^(*) Như giải người cao tuổi (ND)

những thay đổi của bảng rút thăm hoặc với các quyết định khiếu nại mà có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các đấu thủ của họ.

3.7.2.2 Một Liên đoàn khách mời có quyền đề cử ít nhất một đại diện vào ban điều hành của bất cứ trận đấu quốc tế nào mà họ tham dự.

3.7.3. Đăng ký

3.7.3.1 Các mẫu đơn đăng ký của các giải quốc tế mở rộng phải được gửi tới tất cả các Liên đoàn chậm nhất là trước 2 tháng trước khi bắt đầu cuộc thi và chậm nhất là 1 tháng trước ngày hết hạn nhận đơn đăng ký.

3.7.3.2 Tất cả những đăng ký mà các Liên đoàn gửi tới các cuộc thi đấu mở rộng đều phải được nhận, nhưng những người tổ chức có quyền chỉ định những người tham gia cuộc thi đấu loại; trong quyết định phân bổ này họ phải tính đến bảng thành tích xếp hạng thích hợp của Liên đoàn bóng bàn thế giới và của Liên đoàn Châu cũng như thứ tự xếp hạng trong đăng ký nêu rõ của Liên đoàn đề cử.

3.7.4 Các môn thi đấu

3.7.4.1 Những giải Vô địch quốc tế mở rộng sẽ gồm các môn thi đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, và có thể là đôi nam nữ và thi đấu đồng đội quốc tế cho các đội đại diện cho các Liên đoàn.

3.7.4.2 Đề xuất tuổi thi đấu của giải trẻ và thiếu niên là dưới 17 và dưới 14 tính đến ngày 30 tháng 6 ngày trước khi bắt đầu mùa thi đấu mà giải đó được tổ chức.

3.7.4.3 Đề xuất các trận thi đấu đồng đội của các giải quốc tế mở rộng có thể sử dụng trong các thể thức như qui định ở điều 3.7.6; trong mẫu đơn đăng ký hay điều lệ phải trình bày rõ là đấu theo thể thức nào.

3.7.4.4 Những môn thi đấu cá nhân thích hợp là đấu theo nguyên tắc chính loại trực tiếp, còn những môn thi đấu đồng đội và những vòng loại của các giải cá nhân thì có thể đấu loại trực tiếp hay đấu theo nhóm.

3.7.5 Thi đấu theo nhóm

3.7.5.1 Trong cuộc thi đấu của ảnh hưởng nhóm hay thi đấu vòng tròn^(*), tất cả các thành viên trong nhóm đều phải đấu với nhau và mỗi trận thắng được 2 điểm, mỗi trận đấu thua được 1 điểm và 0 điểm nếu không đấu hoặc không kết thúc trận đấu; thứ tự xếp hạng sẽ được xác định chủ yếu dựa trên số điểm thi đấu đạt được.

3.7.5.2 Nếu có 2 hoặc nhiều thành viên của nhóm đạt được cùng số điểm như nhau thì vị trí tương quan của các thành viên đó sẽ được xác định chỉ dựa trên kết quả các trận thi đấu giữa họ với nhau bằng cách xem xét lần lượt những số điểm của trận đấu, trước tiên là tỷ số thắng thua ở các trận đấu cá nhân (đối với các giải đồng đội), các ván và điểm số cho đến lúc cần thiết để phân định thứ hạng.

^(*) “round robin”

3.7.5.3 Nếu tới bước nào trong việc tính toán mà những thứ hạng của 1 hay nhiều thành viên đã xác định được trong khi những người khác vẫn bằng nhau thì kết quả của các trận đấu mà những thành viên đó tham dự được tách ra khỏi bất kỳ tính toán tiếp theo nào để giải quyết tình trạng bằng nhau theo đúng phương thức như của điều 3.7.5.1 và 3.7.5.2.

3.7.5.4 Nếu như không thể giải quyết tình trạng bằng nhau các cách thức như thủ tục đã qui định ở điều 3.7.5.1-Cơ đốc thì những thứ hạng tương quan sẽ được quyết định bằng cách rút thăm.

3.7.5.5 Trong cách giai đoạn đấu loại của các giải Vô địch thế giới, Olympic và Quốc tế mở rộng các đấu thủ sẽ được rút thăm vào các nhóm theo thứ bậc xếp hạng, có tính đến sự phân cách càng xa càng tốt đối với Liên đoàn và mỗi thành viên trong nhóm sẽ được đánh số thứ tự theo trình độ từ cao xuống thấp.

3.7.5.6 Trừ khi trọng tài được ủy quyền làm khác đi còn nếu chọn 1 đấu thủ vào đấu vòng kế tiếp thì trận đấu cuối cùng sẽ là giữa đấu thủ mang số 1 và số 2, nếu chọn 2 vào đấu vòng kế tiếp thì trận đấu cuối cùng sẽ là giữa đấu thủ mang số 2 và 3 vân vân và vân vân.

3.7.6 Các thể thức thi đấu đồng đội

3.7.6.1 Thi đấu 5 trận (5 trận đơn). Đội thắng đạt tỷ số áp đảo.

3.7.6.1.1 Một đội phải gồm có Cơ đốc đấu thủ.

3.7.6.1.2 Thứ tự của trận đấu sẽ là A đấu với X, B đấu với Y và C đấu với Z, A đấu với Y và B đấu với X.

3.7.6.2 Thi đấu 5 trận (4 trận đơn và 1 trận đôi) Đội thắng đạt tỷ số áp đảo

3.7.6.2.1 Một đội phải gồm 2, 3 hoặc 4 đấu thủ.

3.7.6.2.2 Thứ tự của trận đấu sẽ là A đấu với X, B đấu với Y, trận đấu đôi, A đấu với Y và B đấu với X.

3.7.6.3 Thi đấu 7 trận (6 trận đơn và 1 trận đôi). Đội thắng đạt tỷ số áp đảo.

3.7.6.3.1 Một đội phải gồm 3, 4 hoặc 5 đấu thủ.

3.7.6.3.2 Thứ tự của trận đấu sẽ là A đấu với Y, B đấu với X, C đấu với Z, trận đấu đôi, A đấu với X, C đấu với Y và B đấu với Z.

3.7.6.4 Thi đấu 9 trận (9 trận đơn). Đội thắng đạt tỷ số áp đảo.

3.7.6.4.1 Một đội phải gồm Cơ đốc đấu thủ.

3.7.6.4.2 Thứ tự trận đấu sẽ là A đấu với X, B đấu với Y, C đấu với Z, B đấu với X, A đấu với X, C đấu với Y, B đấu với Z, C đấu với X và A đấu với Y.

3.7.7 Thủ tục trận thi đấu đồng đội.

3.7.7.1 Tất cả các đấu thủ sẽ được chọn từ những người được đề cử tham gia giải đồng đội.

3.7.7.2 Trước trận đấu sẽ rút thăm để quyết định quyền chọn đội hình A, B, C hay X, Y, Z và các thủ quân sẽ ghi tên đội của mình, ấn định một chữ cho từng

đấu thủ đánh các trận đơn rồi đưa cho tổng trọng tài hoặc người đại diện của tổng trọng tài.

3.7.7.3 Đề cử danh sách cặp đấu trận đôi có thể tới lúc kết thúc của trận đấu đơn ngay trước đó.

3.7.7.4 Một đấu thủ phải đấu các trận liên tiếp có thể yêu cầu nghỉ nhiều nhất là 5 phút giữa các trận đấu đó.

3.7.7.5 Trận thi đấu đồng đội sẽ kết thúc khi một đội đã thắng phần lớn các trận đấu cá nhân có thể diễn ra.

3.7.8 Kết quả

3.7.8.1 Sau mỗi cuộc thi đấu càng sớm càng tốt và chậm nhất là 7 ngày sau đó Liên đoàn tổ chức phải gửi cho Văn phòng của Liên đoàn bóng bàn thế giới về Thư ký Liên đoàn Châu lục thích hợp những kết quả chi tiết bao gồm tỷ số điểm của các trận đấu quốc tế, của tất cả các vòng đấu của giải Vô địch Châu lục, của các giải Quốc tế mở rộng và của những vòng kết thúc của các Giải vô địch quốc gia.

3.7.9 Truyền hình

3.7.9.1 Ngoài các cuộc thi danh nghĩa là Vô địch Thế giới, Châu lục hoặc Olympic, một giải thi đấu có thể được phát truyền hình chỉ khi được phép của Liên đoàn mà truyền hình phát trên địa bàn của họ.

3.7.9.2 Việc tham gia một giải thi đấu quốc tế coi như là sự đồng ý của Liên đoàn đang điều khiển các đấu thủ khách cho phát truyền hình giải thi đấu đó; danh nghĩa Vô địch Thế giới, Châu lục hay Olympic thì sự đồng ý như thế được xem như cho buổi truyền hình trực tiếp ở bất cứ nơi nào hoặc ghi hình trong thời gian diễn ra giải và trong vòng 1 tháng sau đó.

3.8 ĐỦ TƯ CÁCH THI ĐẤU QUỐC TẾ

3.8.1 Những qui định dưới đây áp dụng cho các cuộc thi danh hiệu Vô địch Thế giới, Vô địch Châu và Vô địch Olympic và cả với những cuộc thi đấu đồng đội của giải Quốc tế mở rộng.

3.8.2 Một đấu thủ có thể đại diện cho một Liên đoàn chỉ khi đấu thủ là công dân nước mà ở đó Liên đoàn có thẩm quyền, ngoại trừ một đấu thủ đến ngày 31 tháng 8 năm 1997 xét về ngày sinh và nơi cư trú đã có đủ tư cách đại diện cho 1 Liên đoàn mà đấu thủ đó không phải là công dân của họ có thể vẫn còn tình trạng đủ tư cách đó.

3.8.2.1 Một đấu thủ mà cùng một lúc là công dân của 2 nước trở lên có thể lựa Liên đoàn nào thích hợp mà mình sẽ đại diện.

3.8.2.2 Trường hợp các đấu thủ của 2 Liên đoàn trở lên có cùng quốc tịch thì từng Liên đoàn đó có thể định ra những yêu cầu riêng của mình cho tình trạng đủ tư cách.

3.8.3 Một đấu thủ không được đại diện cho các Liên đoàn khác nhau trong một thời gian 3 năm.

3.8.3 Một đấu thủ được coi như đại diện cho một Liên đoàn nếu đấu thủ ấy đã nhận sự đề cử đại diện cho Liên đoàn đó, dù có thi đấu hay không; ngày tháng đại diện là ngày tháng đề cử hoặc là ngày tháng thi đấu mà thời gian nào gần đây hơn.

3.8.5 Một đấu thủ hay Liên đoàn của đấu thủ ấy phải cung cấp chứng cứ tình trạng đủ tư cách của mình nếu tổng trọng tài yêu cầu như vậy.

3.8.6 Một Liên đoàn có thể đề cử một đấu thủ đại diện cho mình, người mà có đủ tư cách đại diện như vậy, nhưng người đó đang cư trú trên lãnh thổ kiểm soát của Liên đoàn khác với điều kiện là đấu thủ ấy không bị Liên đoàn đó tạm đình chỉ (treo giò) hay khai trừ.

3.8.7 Bất cứ kháng nghị nào về vấn đề tình trạng đủ tư cách sẽ được tham khảo ý kiến Ban thường vụ và quyết định của Ban này là tối hậu.

Luật bóng bàn
Nhà xuất bản thể dục thể thao
7 Trịnh Hoài Đức – Hà Nội
ĐT: 8456155 – 8437013
Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu Q.1
TP Hồ Chí Minh - ĐT: 8298378

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Phi trọng hành
Biên tập: Trịnh Chí Trung
Trình bày bìa: Trung Hương

Số đăng ký KHXB: 121KH/TDĐT-1680/XB-QLXB ngày 7/12/2001.

In 3000 cuốn, khổ 13x19cm

In tại: Xưởng in Khoa học và Công Nghệ

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2002.